THỎA THUẬN KHUNG HỢP TÁC VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC ĐẠI HÀN DÂN QUỐC

Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Đại Hàn Dân Quốc (sau đây gọi là "Các Bên"):

Nhận thức rằng biến đổi khí hậu và các tác động bất lợi của nó là mối quan tâm chung của nhân loại, đòi hỏi những hành động chung và khẩn trương thực hiện,

Tái khẳng định Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (sau đây gọi là "Công ước") đặt nền tảng vững chắc cho các nỗ lực quốc tế nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, và Nghị định thư Kyoto của Công ước, theo sửa đổi bổ sung mới nhất ngày 08/12/2012, đóng vai trò là công cụ quan trọng trong việc thực hiện Công ước,

Hoan nghênh Thỏa thuận Pa-ri về biến đổi khí hậu chính thức có hiệu lực, đóng vai trò trung tâm trong việc hướng dẫn nỗ lực hợp tác của các Bên nhằm giải quyết hiệu quả những thách thức của biến đổi khí hậu trong giai đoạn sau năm 2020,

Đã đồng ý như sau:

Điều 1

Mục đích

1. Mục đích của Thỏa thuận khung này là nhằm tăng cường năng lực của các Bên để giảm thiểu và/hoặc loại bỏ các phát thải khí nhà kính và thích ứng với những tác động bất lợi của biến đổi khí hậu, và từ đó tạo thuận lợi cho sự chuyển đổi nền kinh tế của các Bên theo hướng phát thải ít các-bon và chống chịu được với biến đổi khí hậu.
2. Với mục đích tại khoản 1 nêu trên, Thỏa thuận khung này có mục đích xây dựng mối quan hệ đối tác toàn diện và cùng có lợi thông qua các hoạt động hợp tác do các Bên thoả thuận.

Điều 2

Các lĩnh vực hợp tác

Để đạt được mục đích của Thỏa thuận khung này, các lĩnh vực hợp tác trong khuôn khổ Thỏa thuận khung này có thể bao gồm:

(a) Giảm và/hoặc loại bỏ phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực hợp tác tiềm năng, bao gồm, không kể những lĩnh vực khác, công nghiệp, năng lượng, giao thông vận tải, xây dựng, quản lý chất thải, nông nghiệp và lâm nghiệp;
(b) Tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt là tập trung vào các chiến lược thích ứng;
(c) Hợp tác trong khoa học và công nghệ liên quan đến khí hậu bao gồm nhưng không hạn chế, về mô hình hoá, dự báo và quan trắc, phát triển và chuyển giao các công nghệ khí hậu;

(d) Vận dụng các cơ chế thị trường trong Thỏa thuận Pa-ri và xây dựng năng lực về đo lường, báo cáo và kiểm chứng (MRV) trong kiểm kê quốc gia; và
(e) Các lĩnh vực hợp tác khác theo thoả thuận của các Bên.

Điều 3

Các hoạt động hợp tác

Các hoạt động hợp tác trong các lĩnh vực quy định tại Điều 2 có thể bao gồm các nội dung dưới đây:

(a) Trao đổi giữa các chuyên gia, các nhà nghiên cứu, các học giả và các nhân viên chính phủ trong lĩnh vực biến đổi khí hậu, bao gồm việc cung cấp các cơ hội để đào tạo xây dựng năng lực;
(b) Các hoạt động tăng cường năng lực, bao gồm nhưng không hạn chế, về các cơ chế thị trường; MRV, các chiến lược thích ứng, các quy định về kỹ thuật và an toàn;
(c) Các hoạt động nhằm thúc đẩy các dự án và/hoặc các chương trình hợp tác công và tư, với kết quả đầu ra là giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được sử dụng để đạt được những Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDCs) của các Bên;
(d) Các hoạt động tăng cường nỗ lực thích ứng nhằm ngăn chặn các tác động bất lợi của biến đổi khí hậu; và
(e) Các hoạt động khác để thúc đẩy hợp tác theo thỏa thuận của các Bên.

Điều 4

Các cơ chế thị trường

1. Các Bên nhận thấy sự hợp tác liên quan đến các cơ chế thị trường quy định tại Điều 2 (d) có thể cung cấp sự linh hoạt trong việc thực hiện các NDC của các Bên và góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của hai nước.

2. Các Bên sẽ nỗ lực sử dụng tiềm năng của các cơ chế thị trường được quy định tại Điều 3(b) và 3(c) liên quan đến việc sử dụng các kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính có lợi cho hai nước.

Điều 5

Hợp tác về khoa học và công nghệ

1. Các Bên nhận thấy hợp tác về khoa học công nghệ trong lĩnh vực khí hậu nêu tại Điều 2(c) có thể thúc đẩy việc ứng phó với biến đổi khí hậu và thực hiện các NDC

của cả hai bên trên cơ sở giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và các công nghệ thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Các Bên sẽ nỗ lực để sử dụng tiềm năng hợp tác công nghệ thông qua các hoạt động nêu tại Điều 3(a), 3(c) và 3(d) để tăng cường khả năng sáng tạo công nghệ và thúc đẩy các ngành công nghiệp có liên quan của hai nước.

Điều 6

Nhóm công tác chung

1. Các Bên sẽ thành lập một Nhóm công tác chung về Hợp tác biến đổi khí hậu (sau đây gọi tắt là "Nhóm công tác chung") bao gồm các đại diện được chỉ định của mỗi Bên nhằm thúc đẩy và hợp tác trong việc thực hiện Thỏa thuận khung này, bao gồm cả thông qua việc đưa ra các đề xuất và quyết định.

2. Về nguyên tắc, Nhóm công tác chung sẽ tổ chức họp mỗi năm một lần, luân phiên tại Hàn Quốc và Việt Nam, tại địa điểm và thời gian được hai Bên nhất trí. Tần suất các cuộc họp của Nhóm công tác chung có thể được điều chỉnh theo sự thoả thuận của các Bên.

3. Trong trường hợp cuộc họp của Nhóm công tác chung không tổ chức được, việc tiến hành tham vấn, khi cần thiết, sẽ được thực hiện thông qua các kênh thích hợp.

4. Các Bên có thể thoả thuận thành lập các Tiểu nhóm công tác chung trong các lĩnh vực hợp tác cụ thể thuộc Nhóm công tác chung, ví dụ như Tiểu nhóm công tác chung về Các cơ chế thị trường hay Hợp tác khoa học và công nghệ khí hậu. Trong các trường hợp như vậy, các Bên sẽ quyết định sự cần thiết của các tiểu nhóm này đối với việc thực hiện Thỏa thuận khung.

Điều 7

Hợp tác giữa và với các chủ thể phi nhà nước

1. Các Bên sẽ nỗ lực nhằm tăng cường hợp tác giữa, không kể những chủ thể khác, các công ty, các nhà đầu tư, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các tổ chức xã hội của hai nước.

2. Các Bên sẽ nỗ lực để tăng cường kết nối với các chủ thể phi nhà nước như các công ty, các nhà đầu tư, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các tổ chức xã hội, để các chủ thể này có thể có nhiều cơ hội tốt hơn nhằm giải quyết những thách thức do biến đổi khí hậu.

Điều 8

Các thỏa thuận bổ sung

1. Nhằm thúc đẩy hợp tác song phương theo Thỏa thuận khung này, các Bên có thể khuyến khích, khi thích hợp, việc ký kết các thoả thuận bổ sung giữa, không kể các cơ quan khác, các cơ quan chính phủ, các công ty, các nhà đầu tư, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các tổ chức xã hội.
2. Các thoả thuận bổ sung này sẽ bao gồm các điều khoản quy định các hình thức hợp tác cụ thể, các thủ tục cần thiết tuân thủ và các vấn đề thích hợp khác, trong đó có việc giải quyết về các quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với luật pháp trong nước của mỗi Bên.

Điều 9

Các chi phí và Hỗ trợ

1. Các Bên sẽ tự chịu chi phí phát sinh liên quan đến việc thực hiện các hoạt động hợp tác theo Thỏa thuận khung này trên cơ sở bình đẳng, tùy thuộc vào sự sẵn có của các nguồn lực và phù hợp với luật pháp và các quy định có hiệu lực của mỗi Bên.
2. Mỗi Bên có thể cung cấp cho Bên còn lại những hỗ trợ phù hợp cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động hợp tác theo Thỏa thuận khung này.

Điều 10

Quyền sở hữu trí tuệ và bảo mật

1. Các bên sẽ xem xét thích đáng việc bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ hoặc các quyền khác có tính chất độc quyền phát sinh từ các hoạt động hợp tác theo Thỏa thuận khung này và sẽ tham vấn bên kia cho mục đích này nếu cần thiết.
2. Việc điều chỉnh các quyền sở hữu trí tuệ phát sinh từ các hoạt động hợp tác theo Thỏa thuận khung này sẽ được quy định trong các thỏa thuận bổ sung nêu tại Điều 8.
3. Các thông tin khoa học và công nghệ không có tính chất độc quyền phát sinh từ các hoạt động hợp tác theo Thỏa thuận khung này sẽ được cung cấp, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, cho các bên thứ ba theo các kênh truyền thống và phù hợp với các thủ tục thông thường của các cơ quan, tổ chức tham gia.
4. Các Bên sẽ bảo vệ tính bảo mật của các tài liệu, thông tin và dữ liệu được cung cấp và được xác định là bảo mật bởi riêng bất kỳ bên nào. Không Bên nào được tiết lộ các tài liệu, thông tin và dữ liệu bảo mật đã được chia sẻ cho bất kỳ bên thứ ba nào khác mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia.

Điều 11

Sự liên quan đến các Thỏa thuận khác

1. Không có điều khoản nào trong Thỏa thuận khung này sẽ ảnh hưởng đến nghĩa vụ của các Bên phát sinh từ bất kỳ các thỏa thuận quốc tế có liên quan đến biến đổi khí hậu mà các Bên là thành viên.
2. Các thoả thuận bổ sung được đề cập tại Điều 8 sẽ được thực hiện phù hợp với luật pháp quốc gia và quy định có liên quan của mỗi Bên.

Điều 12

Giải quyết tranh chấp

Bất kỳ tranh chấp phát sinh từ việc diễn giải hoặc thực hiện Thỏa thuận khung này sẽ được giải quyết thông qua thương lượng giữa các Bên.

Điều 13

Hiệu lực thi hành

Các Bên sẽ thông báo cho nhau thông qua các kênh ngoại giao về việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý nội bộ cần thiết để Thỏa thuận khung này có hiệu lực thi hành. Thỏa thuận khung này sẽ có hiệu lực sau ba mươi (30) ngày kể từ khi nhận được thông báo cuối cùng của các Bên.

Điều 14

Sửa đổi

Thỏa thuận khung này có thể được sửa đổi với sự đồng ý bằng văn bản của các Bên vào bất kỳ thời điểm nào. Mọi sửa đổi được các Bên chấp thuận sẽ có hiệu lực theo thủ tục quy định tại Điều 13.

Điều 15

Chấm dứt

1. Thỏa thuận Khung này sẽ có hiệu lực trong thời gian năm (5) năm và sẽ được tự động gia hạn các giai đoạn năm (5) năm tiếp theo, trừ khi một trong hai Bên thông

báo cho Bên còn lại bằng văn bản về ý định chấm dứt Thỏa thuận khung này sáu (6) tháng trước thời hạn kết thúc của giai đoạn hiện tại.

2. Mỗi Bên có thể thông báo bằng văn bản qua các kênh ngoại giao vào bất kỳ thời điểm nào cho Bên còn lại về quyết định chấm dứt Thỏa thuận khung này. Trong trường hợp đó, Thỏa thuận khung này sẽ chấm dứt sau ba (3) tháng kể từ khi Bên nhận nhận được thông báo, trừ khi thông báo chấm dứt được thu hồi theo thoả thuận trước khi kết thúc thời hạn hiệu lực của giai đoạn hiện tại.
3. Việc hết hạn hoặc chấm dứt Thỏa thuận khung này sẽ không ảnh hưởng đến việc hoàn thành bất kỳ hoạt động hợp tác nào đang triển khai trong khuôn khổ Thỏa thuận khung, trừ khi các Bên có thoả thuận khác.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây, được Chính phủ nước mình ủy quyền, đã ký Thỏa thuận khung này.

Làm thành hai bộ tại Hà Nội, Việt Nam, ngày 31 tháng 5 năm 2021, bằng tiếng Việt, tiếng Hàn Quốc và tiếng Anh, tất cả ba bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có bất kỳ sự khác biệt nào, bản tiếng Anh sẽ được sử dụng để tham chiếu.

THAY MẶT
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trần Hồng Hà
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

THAY MẶT
CHÍNH PHỦ NƯỚC ĐẠI HÀN DÂN QUỐC

Park Noh-wan
Đại sứ đặc mệnh toàn quyền tại Việt Nam

베트남사회주의공화국 정부와 대한민국 정부 간의 기후변화 협력에 관한 기본협정

베트남사회주의공화국 정부와 대한민국 정부(이하 "당사자"라 한다)는,

기후변화 및 기후변화의 부정적인 영향이 긴급한 집단행동을 필요로 하는 인류의 공통 관심사임을 인식하고,

「기후변화에 관한 국제연합 기본협약」(이하 "협약"이라 한다)이 기후변화 대응을 위한 국제적인 노력의 확고한 토대를 마련하며, 2012년 12월 8일에 마지막으로 개정된 「기후변화에 관한 국제연합 기본협약에 대한 교토의정서」가 해당 협약 이행을 위한 수단이 되어 왔음을 재확인하고,

2020년 이후 기간에 기후변화 문제를 효과적으로 해결하기 위해 당사자가 협력할 수 있도록 안내하는 중심적인 역할을 담당하게 될 「파리협정」의 발효를 환영하며,

다음과 같이 합의하였다.

제1조
목 적

1. 이 기본협정의 목적은 온실가스 배출을 감축 및/또는 제거하고 기후변화의 부정적인 영향에 적응하는 당사자의 역량을 강화시킴으로써, 해당 당사자가 저탄소 및 기후 회복적 경제로 전환하는 것을 촉진시키는 것이다.

2. 위의 제1항에 명시된 목적상, 이 기본협정은 당사자에 의해 합의된 협력 활동을 통해 상호 유익하고 포괄적인 파트너십의 구축을 목표로 한다.

제2조
협력 분야

이 기본협정의 목적을 달성하기 위해 해당 기본협정의 협력 분야는 다음을 포함할 수 있다.

가. 특히 에너지, 산업, 수송, 건물, 폐기물 관리, 농업, 산림을 포함하는 잠재적인 협력 분야에서 발생하는 온실가스 배출 감축 및/또는 제거

나. 적응 전략에 특별히 초점을 맞춘 기후변화 적응 역량 개선

다. 모형 설계, 예측, 관측을 포함하나 이에 한정되지 않는 과학 및 기술, 그리고 기후기술 개발 및 이전에 관한 협력

라. 파리협정의 시장 메커니즘의 활용 및 국가 인벤토리의 측정, 보고, 검증(MRV)에 관한 역량 강화, 그리고

마. 그 밖에 당사자가 상호 합의하는 협력 분야

제3조
협력 활동

제2조에 규정된 협력 분야에 해당하는 협력 활동은 다음을 포함한다.

가. 역량 강화 연수 기회의 제공을 포함하는 기후변화 전문가, 연구원, 학자, 공무원 간 교류

나. 시장 메커니즘, MRV, 적응 전략, 안전 및 기술 규제를 포함하나 이에 한정되지 않는 역량 강화 활동

다. 양 당사자의 국가결정기여(NDCs)를 달성하기 위해 사용되는 온실가스의 완화 결과로 이어지는 공공 및 민간의 사업 및/또는 프로그램 촉진 활동

라. 기후변화의 부정적인 영향을 예방하는 적응 노력 강화 활동, 그리고

마. 당사자가 상호 합의한 바에 따른 협력을 증진하기 위한 그 밖의 활동

제4조
시장 메커니즘

1. 당사자는 제2조라호에 언급된 시장 메커니즘과 관련된 협력이 당사자들의 국가결정기여 이행에 유연성을 제공하고, 양국의 지속 가능한 발전을 촉진하는 데 기여할 수 있다고 인식한다.

2. 당사자는 양국에게 유익한 완화 결과의 사용을 포함한 제3조나호 및 다호에 규정된 시장 메커니즘의 잠재력을 활용하기 위해 노력한다.

제5조
과학 및 기술 협력

1. 당사자는 제2조다호에 언급된 기후 관련 과학 및 기술 협력을 통해 양 당사자가 기후변화에 대응하고 온실가스 완화 및 기후변화 적응 기술을 기반으로 하는 당사자의 국가결정기여를 이행하도록 할 수 있다고 인식한다.

2. 당사자는 기술혁신 역량을 강화하고 양국의 관련 산업을 촉진시키기 위해 제3조가호, 다호 및 라호에 규정된 활동을 통해 기술 협력의 잠재력을 활용하도록 노력할 수 있다.

제6조
공동실무작업반

1. 당사자는 권고 및 결정을 포함해 이 기본협정의 이행을 촉진하고 조정하기 위해 각 당사자가 지정한 대표로 구성되는 기후변화협력에 관한 공동실무작업반(이하 "공동실무작업반"이라 한다)을 설치한다.

2. 공동실무작업반은 원칙적으로 일 년에 한 번 상호 합의하는 장소와 날짜에 한국과 베트남에서 교대로 개최된다. 공동실무작업반 회의의 빈도는 상호 합의에 따라 조정될 수 있다.

3. 공동실무작업반이 개최되지 않을 경우, 필요 시 적절한 경로를 통해 협의를 진행한다.

4. 당사자는 이 기본협정의 이행을 위해 필요하다고 판단하는 경우, 시장 메커니즘에 관한 공동 소실무작업반 그리고 과학 및 기술 협력에 관한 공동 소실무작업반과 같이 해당 공동실무작업반하의 특정 협력 분야에 대한 부속

기구 설치를 합의할 수 있다.

제7조
비국가 행위자 간 및 비국가 행위자와의 협력

1. 당사자는 특히 양국의 기업, 투자자, 연구소, 대학 및 사회 기관 간의 협력을 강화하기 위해 노력한다.

2. 당사자는 기업, 투자자, 연구소, 대학 및 사회기관과 같은 비국가 행위자가 기후변화 문제를 다룰 수 있는 더 나은 기회를 가질 수 있도록 그들과의 소통을 강화하도록 노력한다.

제8조
보충 약정

1. 이 기본협정상의 양자 간 협력을 촉진하기 위해 당사자는 적절한 경우에 특히 정부기관, 회사, 투자자, 연구소, 대학 및 사회기관 간에 보충 약정을 체결하도록 장려할 수 있다.

2. 그러한 보충 약정은 각 당사자의 국내 법령에 따른 지식재산권 처리를 포함해 특정한 협력 형태, 준수 절차 및 그 밖의 적절한 사항에 관한 조항을 포함한다.

제9조
비용 및 지원

1. 당사자는 재원의 이용 가능성을 조건으로 각 당사자에게 적용 가능한 국내 법령에 따라 이 기본협정상의 협력 활동의 이행과 관련해 발생하는 비용을 동등하게 부담한다.

2. 각 당사자는 이 기본협정상의 협력 활동의 이행에 필요한 적절한 지원

을 다른 쪽 당사자에게 제공할 수 있다.

제10조
지식재산권 및 비밀유지

1. 당사자는 이 기본협정의 협력 활동으로부터 발생하는 지식재산권 또는 그 밖의 재산적 성격의 권리 보호에 대해 충분히 고려하고 필요한 경우 이 목적을 위해 서로 협의한다.

2. 이 기본협정의 협력 활동에서 발생하는 지식재산권에 대한 처리는 제8조에 언급된 보충 약정에서 규정한다.

3. 이 기본협정의 협력 활동에서 파생되는 비재산적 성격의 과학 및 기술 정보는, 별도로 합의되지 않는 한, 관례적인 경로를 통해 참여 기관의 통상적인 절차에 따라 제3자가 이용할 수 있다.

4. 당사자는 어느 쪽의 관련 당사자가 비밀로 명시적으로 규정한 문서, 정보 및 자료의 비밀을 보호한다. 어느 쪽 당사자도 다른 쪽 당사자의 사전 서면 동의 없이 공유된 비밀 문서, 정보 및 자료를 제3자에게 공개하지 않는다.

제11조
다른 협정과의 관계

1. 이 기본협정의 어떠한 사항도 그들이 당사자인 기후변화와 관련된 모든 관련 국제 협정에서 발생하는 당사자의 의무에 영향을 미치지 않는다.

2. 제8조에 언급된 보충 약정은 각 당사자의 관련 국내 법령에 따라 이행된다.

제12조
분쟁 해결

이 기본협정의 해석 또는 이행에서 발생하는 모든 분쟁은 당사자 간의 협의를 통해 해결한다.

제13조
발효

당사자는 외교경로를 통해 이 기본협정의 발효를 위해 필요한 내부 법적 절차의 완료를 상호 통보한다. 이 기본협정은 나중 통보의 접수일 후 30일째 되는 날에 발효한다.

제14조
개정

이 기본협정은 당사자 간의 상호 서면 동의에 따라 언제든지 개정될 수 있다. 당사자가 합의한 모든 개정은 제13조에 규정된 절차에 따라 발효한다.

제15조
종료

1. 이 기본협정은 5년간 유효하며, 5년마다 자동적으로 갱신된다. 다만, 현행 기간이 만료하기 6개월 전에 어느 한쪽 당사자가 다른 쪽 당사자에게 이 기본협정의 종료 의사를 서면으로 통보하는 경우에는 예외로 한다.

2. 당사자는 언제든지 이 기본협정을 종료하기 위한 결정을 외교경로를 통해 다른 쪽 당사자에게 서면으로 통보할 수 있다. 이 경우 다른 쪽 당사자가 해당 통보 접수일 후 3개월째 되는 날에 이 기본협정은 종료된다. 다만, 해당 종료 통보가 이 기간이 만료하기 전에 합의를 통해 철회되는 경우는 예외로 한다.

3. 이 기본협정의 만료 또는 종료는 당사자에 의해 상호 합의되지 않는 한, 해당 기본협정에 따라 시행 중에 있는 협력 활동의 완료에 영향을 미치지 않는다.

이상의 증거로, 아래 서명자는 그들 각자의 정부로부터 정당하게 권한을 위임 받아 이 기본협정에 서명하였다.

2021년 5월 31일 하노이에서 동등하게 정본인 베트남어, 한국어 및 영어로 각 2부씩 작성하였다. 해석상 차이가 있는 경우에는 영어본이 우선한다.

베트남사회주의공화국 정부를 대표하여	대한민국 정부를 대표하여
Tran Hong Ha	Park Noh-wan
자원환경부 장관	주베트남 특명전권대사

FRAMEWORK AGREEMENT
FOR COOPERATION ON CLIMATE CHANGE

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF KOREA

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Korea (hereinafter referred to as the "Parties"),

Recognizing that climate change and its adverse effects are a common concern to humankind which require urgent and collective action,

Reaffirming that the United Nations Framework Convention on Climate Change (hereinafter referred to as the "Convention") lays a firm foundation for international efforts to combat climate change, and that the Kyoto Protocol to Convention, as last amended on 8 December 2012, has been instrumental in implementing the Convention,

Welcoming the entry into force of the Paris Agreement, which will play a central role in guiding the Parties' cooperative efforts to effectively address the challenges of climate change during the post-2020 period,

Have agreed as follows:

Article 1
Purpose

1. The purpose of this Framework Agreement is to strengthen the Parties' capacity to reduce and/or eliminate greenhouse gas emissions and adapt to the adverse impacts of climate change, and thereby facilitate the Parties' transition towards low carbon and climate resilient economies.

2. For the purpose stated in paragraph 1 above, this Framework Agreement aims to build a mutually beneficial and comprehensive partnership through cooperative activities to be agreed upon by the Parties.

Article 2
Areas of Cooperation

In order to achieve the purpose of this Framework Agreement, the areas of cooperation under this Framework Agreement may include the following:

(a) reduction and/or elimination of greenhouse gas emissions in potential sectors of cooperation, including, *inter alia*, energy, industry, transportation, building, waste management, agriculture and forestry;
(b) enhancement of capacity to adapt to climate change, especially by focusing on adaptation strategies;
(c) cooperation on climate-related science and technology including, but not limited to, modeling, prediction and observation, and the development and transfer of climate technologies;

(d) utilization of the market mechanisms in the Paris Agreement and capacity-building on the measurement, reporting and verification (MRV) of national inventories; and
(e) other areas of cooperation as may be mutually agreed upon by the Parties.

Article 3
Cooperative Activities

Cooperative activities in the areas set out in Article 2 may include the following:

(a) exchanges between climate change experts, researchers, scholars and governmental officials, including by providing opportunities for capacity building training;
(b) activities to enhance capacities including, but not limited to, market mechanisms, MRV, adaptation strategies, safety and technical regulation;
(c) activities to promote public and private projects and/or programs, resulting in greenhouse gas mitigation outcomes used to achieve both Parties' nationally determined contributions (NDCs);
(d) activities to strengthen adaptation efforts to prevent the adverse effects of climate change; and
(e) other activities to promote cooperation as may be mutually agreed upon by the Parties.

Article 4
Market Mechanisms

1. The Parties recognize that cooperation related to the market mechanisms referred to in Article 2(d) can provide flexibility in the implementation of the Parties' NDCs and contribute to promoting the sustainable development of the two countries.

2. The Parties shall make efforts to utilize the potential of the market mechanisms provided in Article 3(b) and 3(c), which will involve the use of mitigation outcomes that are beneficial for the two countries.

Article 5
Science and Technology Cooperation

1. The Parties recognize that the climate-related science and technology cooperation referred to in Article 2(c) can enable both Parties to respond to climate change and to implement the Parties' NDCs based on greenhouse gas mitigation and climate change adaptation technologies.

2. The Parties can make efforts to utilize the potential of technology cooperation through the activities set out in Article 3(a), 3(c) and 3(d) in order to enhance technological innovation capabilities and to promote the related industries of the two countries.

Article 6
Joint Working Group

1. The Parties shall establish a Joint Working Group on Climate Change Cooperation (hereinafter referred to as the "JWG"), comprising representatives designated by each Party, to facilitate and coordinate the implementation of this Framework Agreement, including through making recommendations and decisions.

2. The JWG shall meet in principle once a year, alternately in the Republic of Korea and the Socialist Republic of Viet Nam, at a place and date to be mutually agreed upon. The frequency of the JWG's meetings may be adjusted by mutual consent of the Parties.

3. In the case that the JWG is not in session, consultations shall, when necessary, be conducted through the appropriate channels.

4. The Parties may agree to establish subsidiary bodies on certain areas of cooperation under the JWG, such as a Joint Sub-working Group for Market Mechanisms and a Joint Sub-working Group for Science and Technology Cooperation, in the case that the Parties decide that such bodies are necessary for the implementation of this Framework Agreement.

Article 7
Cooperation between and with Non-State Actors

1. The Parties shall make efforts to enhance cooperation between, *inter alia*, companies, investors, research institutes, universities, and social organizations of the two countries.

2. The Parties shall make efforts to strengthen communication with non-State actors, such as companies, investors, research institutes, universities, and social organizations, so that they have better opportunities to address the challenges of climate change.

Article 8
Supplementary Arrangements

1. With a view to facilitating the bilateral cooperation under this Framework Agreement, the Parties may encourage, where appropriate, the conclusion of supplementary arrangements between, *inter alia*, government agencies, companies, investors, research institutes, universities and social organizations.

2. Such supplementary arrangements shall include provisions for particular forms of cooperation, the procedures to be followed, and other appropriate matters, including the treatment of intellectual property rights in accordance with each Party's domestic law.

Article 9
Expenses and Assistance

1. The Parties shall bear the expenses to be incurred in conjunction with the implementation of the cooperative activities under this Framework Agreement on an equal basis, subject to the availability of resources and in accordance with the applicable national laws and regulations of each Party.

2. Each Party may provide the other Party with the appropriate assistance necessary for the implementation of the cooperative activities under this Framework Agreement.

Article 10
Intellectual Property Rights and Confidentiality

1. The Parties shall give due consideration to the protection of intellectual property rights or other rights of a proprietary nature resulting from the cooperative activities under this Framework Agreement and shall consult each other for this purpose as necessary.

2. The treatment of intellectual property rights arising from the cooperative activities under this Framework Agreement shall be provided for in the supplementary arrangements mentioned in Article 8.

3. Scientific and technological information of a non-proprietary nature derived from cooperative activities under this Framework Agreement shall be made available, unless otherwise agreed, to third parties through customary channels and in accordance with the normal procedures of the participating agencies.

4. The Parties shall protect the confidentiality of the documents, information, and data provided and specified as confidential by any of the respective Parties. Neither Party shall disclose the shared confidential documents, information, and data to any third party without the prior written consent of the other Party.

Article 11
Relation to other Agreements

1. Nothing in this Framework Agreement shall affect the obligations of the Parties deriving from any relevant international agreements relating to climate change to which they are party.

2. The supplementary arrangements referred to in Article 8 shall be carried out in accordance with the relevant national laws and regulations of each Party.

Article 12
Dispute Settlement

Any disputes arising from the interpretation or implementation of this Framework Agreement shall be settled through consultations between the Parties.

Article 13
Entry into Force

The Parties shall notify each other through diplomatic channels of the completion of their internal legal procedures necessary for the entry into force of this Framework Agreement. This Framework Agreement shall enter into force thirty (30) days after the date of receipt of the later notification.

Article 14
Amendment

This Framework Agreement may be amended with the mutual written consent of the Parties at any time. Any amendments agreed by the Parties shall enter into force in accordance with the procedure set out in Article 13.

Article 15
Termination

1. This Framework Agreement shall remain in force for a period of five (5) years and shall be automatically renewed for successive periods of five (5) years, unless either Party notifies the other Party in writing, six (6) months prior to the expiration of the current period, of its intention to terminate this Framework Agreement.

2. Each party may at any time give notice in writing through diplomatic channels to the other Party of its decision to terminate this Framework Agreement. In such case, this Framework Agreement shall be terminated three (3) months after the date of receipt of the notice by the other Party, unless the notice to terminate is withdrawn by agreement before the expiry of this period.

3. The expiration or termination of this Framework Agreement shall not affect the completion of any ongoing cooperative activities under this Framework Agreement, unless otherwise mutually agreed by the Parties.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized by their respective Governments, have signed this Framework Agreement.

DONE in duplicate in Hanoi, Viet Nam, on the 31st day of May, 2021, in the Korean, Vietnamese and English languages, all three texts being equally authentic. In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Tran Hong Ha
Minister Natural Resources and Environment

FOR THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF KOREA

Park Noh-wan
Ambassador Extraordinary and Plenipotentiary

THỎA THUẬN KHUNG HỢP TÁC VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC ĐẠI HÀN DÂN QUỐC

Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Đại Hàn Dân Quốc (sau đây gọi là "Các Bên"):

Nhận thức rằng biến đổi khí hậu và các tác động bất lợi của nó là mối quan tâm chung của nhân loại, đòi hỏi những hành động chung và khẩn trương thực hiện,

Tái khẳng định Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (sau đây gọi là "Công ước") đặt nền tảng vững chắc cho các nỗ lực quốc tế nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, và Nghị định thư Kyoto của Công ước, theo sửa đổi bổ sung mới nhất ngày 08/12/2012, đóng vai trò là công cụ quan trọng trong việc thực hiện Công ước,

Hoan nghênh Thỏa thuận Pa-ri về biến đổi khí hậu chính thức có hiệu lực, đóng vai trò trung tâm trong việc hướng dẫn nỗ lực hợp tác của các Bên nhằm giải quyết hiệu quả những thách thức của biến đổi khí hậu trong giai đoạn sau năm 2020,

Đã đồng ý như sau:

Điều 1

Mục đích

1. Mục đích của Thỏa thuận khung này là nhằm tăng cường năng lực của các Bên để giảm thiểu và/hoặc loại bỏ các phát thải khí nhà kính và thích ứng với những tác động bất lợi của biến đổi khí hậu, và từ đó tạo thuận lợi cho sự chuyển đổi nền kinh tế của các Bên theo hướng phát thải ít các-bon và chống chịu được với biến đổi khí hậu.
2. Với mục đích tại khoản 1 nêu trên, Thỏa thuận khung này có mục đích xây dựng mối quan hệ đối tác toàn diện và cùng có lợi thông qua các hoạt động hợp tác do các Bên thoả thuận.

Điều 2

Các lĩnh vực hợp tác

Để đạt được mục đích của Thỏa thuận khung này, các lĩnh vực hợp tác trong khuôn khổ Thỏa thuận khung này có thể bao gồm:

(a) Giảm và/hoặc loại bỏ phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực hợp tác tiềm năng, bao gồm, không kể những lĩnh vực khác, công nghiệp, năng lượng, giao thông vận tải, xây dựng, quản lý chất thải, nông nghiệp và lâm nghiệp;
(b) Tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt là tập trung vào các chiến lược thích ứng;
(c) Hợp tác trong khoa học và công nghệ liên quan đến khí hậu bao gồm nhưng không hạn chế, về mô hình hoá, dự báo và quan trắc, phát triển và chuyển giao các công nghệ khí hậu;

(d) Vận dụng các cơ chế thị trường trong Thỏa thuận Pa-ri và xây dựng năng lực về đo lường, báo cáo và kiểm chứng (MRV) trong kiểm kê quốc gia; và
(e) Các lĩnh vực hợp tác khác theo thoả thuận của các Bên.

Điều 3

Các hoạt động hợp tác

Các hoạt động hợp tác trong các lĩnh vực quy định tại Điều 2 có thể bao gồm các nội dung dưới đây:

(a) Trao đổi giữa các chuyên gia, các nhà nghiên cứu, các học giả và các nhân viên chính phủ trong lĩnh vực biến đổi khí hậu, bao gồm việc cung cấp các cơ hội để đào tạo xây dựng năng lực;
(b) Các hoạt động tăng cường năng lực, bao gồm nhưng không hạn chế, về các cơ chế thị trường; MRV, các chiến lược thích ứng, các quy định về kỹ thuật và an toàn;
(c) Các hoạt động nhằm thúc đẩy các dự án và/hoặc các chương trình hợp tác công và tư, với kết quả đầu ra là giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được sử dụng để đạt được những Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDCs) của các Bên;
(d) Các hoạt động tăng cường nỗ lực thích ứng nhằm ngăn chặn các tác động bất lợi của biến đổi khí hậu; và
(e) Các hoạt động khác để thúc đẩy hợp tác theo thỏa thuận của các Bên.

Điều 4

Các cơ chế thị trường

1. Các Bên nhận thấy sự hợp tác liên quan đến các cơ chế thị trường quy định tại Điều 2 (d) có thể cung cấp sự linh hoạt trong việc thực hiện các NDC của các Bên và góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của hai nước.

2. Các Bên sẽ nỗ lực sử dụng tiềm năng của các cơ chế thị trường được quy định tại Điều 3(b) và 3(c) liên quan đến việc sử dụng các kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính có lợi cho hai nước.

Điều 5

Hợp tác về khoa học và công nghệ

1. Các Bên nhận thấy hợp tác về khoa học công nghệ trong lĩnh vực khí hậu nêu tại Điều 2(c) có thể thúc đẩy việc ứng phó với biến đổi khí hậu và thực hiện các NDC

của cả hai bên trên cơ sở giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và các công nghệ thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Các Bên sẽ nỗ lực để sử dụng tiềm năng hợp tác công nghệ thông qua các hoạt động nêu tại Điều 3(a), 3(c) và 3(d) để tăng cường khả năng sáng tạo công nghệ và thúc đẩy các ngành công nghiệp có liên quan của hai nước.

Điều 6

Nhóm công tác chung

1. Các Bên sẽ thành lập một Nhóm công tác chung về Hợp tác biến đổi khí hậu (sau đây gọi tắt là "Nhóm công tác chung") bao gồm các đại diện được chỉ định của mỗi Bên nhằm thúc đẩy và hợp tác trong việc thực hiện Thỏa thuận khung này, bao gồm cả thông qua việc đưa ra các đề xuất và quyết định.

2. Về nguyên tắc, Nhóm công tác chung sẽ tổ chức họp mỗi năm một lần, luân phiên tại Hàn Quốc và Việt Nam, tại địa điểm và thời gian được hai Bên nhất trí. Tần suất các cuộc họp của Nhóm công tác chung có thể được điều chỉnh theo sự thoả thuận của các Bên.

3. Trong trường hợp cuộc họp của Nhóm công tác chung không tổ chức được, việc tiến hành tham vấn, khi cần thiết, sẽ được thực hiện thông qua các kênh thích hợp.

4. Các Bên có thể thoả thuận thành lập các Tiểu nhóm công tác chung trong các lĩnh vực hợp tác cụ thể thuộc Nhóm công tác chung, ví dụ như Tiểu nhóm công tác chung về Các cơ chế thị trường hay Hợp tác khoa học và công nghệ khí hậu. Trong các trường hợp như vậy, các Bên sẽ quyết định sự cần thiết của các tiểu nhóm này đối với việc thực hiện Thỏa thuận khung.

Điều 7

Hợp tác giữa và với các chủ thể phi nhà nước

1. Các Bên sẽ nỗ lực nhằm tăng cường hợp tác giữa, không kể những chủ thể khác, các công ty, các nhà đầu tư, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các tổ chức xã hội của hai nước.

2. Các Bên sẽ nỗ lực để tăng cường kết nối với các chủ thể phi nhà nước như các công ty, các nhà đầu tư, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các tổ chức xã hội, để các chủ thể này có thể có nhiều cơ hội tốt hơn nhằm giải quyết những thách thức do biến đổi khí hậu.

Điều 8

Các thỏa thuận bổ sung

1. Nhằm thúc đẩy hợp tác song phương theo Thỏa thuận khung này, các Bên có thể khuyến khích, khi thích hợp, việc ký kết các thoả thuận bổ sung giữa, không kể các cơ quan khác, các cơ quan chính phủ, các công ty, các nhà đầu tư, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các tổ chức xã hội.
2. Các thoả thuận bổ sung này sẽ bao gồm các điều khoản quy định các hình thức hợp tác cụ thể, các thủ tục cần thiết tuân thủ và các vấn đề thích hợp khác, trong đó có việc giải quyết về các quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với luật pháp trong nước của mỗi Bên.

Điều 9

Các chi phí và Hỗ trợ

1. Các Bên sẽ tự chịu chi phí phát sinh liên quan đến việc thực hiện các hoạt động hợp tác theo Thỏa thuận khung này trên cơ sở bình đẳng, tùy thuộc vào sự sẵn có của các nguồn lực và phù hợp với luật pháp và các quy định có hiệu lực của mỗi Bên.
2. Mỗi Bên có thể cung cấp cho Bên còn lại những hỗ trợ phù hợp cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động hợp tác theo Thỏa thuận khung này.

Điều 10

Quyền sở hữu trí tuệ và bảo mật

1. Các bên sẽ xem xét thích đáng việc bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ hoặc các quyền khác có tính chất độc quyền phát sinh từ các hoạt động hợp tác theo Thỏa thuận khung này và sẽ tham vấn bên kia cho mục đích này nếu cần thiết.
2. Việc điều chỉnh các quyền sở hữu trí tuệ phát sinh từ các hoạt động hợp tác theo Thỏa thuận khung này sẽ được quy định trong các thỏa thuận bổ sung nêu tại Điều 8.
3. Các thông tin khoa học và công nghệ không có tính chất độc quyền phát sinh từ các hoạt động hợp tác theo Thỏa thuận khung này sẽ được cung cấp, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, cho các bên thứ ba theo các kênh truyền thống và phù hợp với các thủ tục thông thường của các cơ quan, tổ chức tham gia.
4. Các Bên sẽ bảo vệ tính bảo mật của các tài liệu, thông tin và dữ liệu được cung cấp và được xác định là bảo mật bởi riêng bất kỳ bên nào. Không Bên nào được tiết lộ các tài liệu, thông tin và dữ liệu bảo mật đã được chia sẻ cho bất kỳ bên thứ ba nào khác mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia.

Điều 11

Sự liên quan đến các Thỏa thuận khác

1. Không có điều khoản nào trong Thỏa thuận khung này sẽ ảnh hưởng đến nghĩa vụ của các Bên phát sinh từ bất kỳ các thỏa thuận quốc tế có liên quan đến biến đổi khí hậu mà các Bên là thành viên.
2. Các thoả thuận bổ sung được đề cập tại Điều 8 sẽ được thực hiện phù hợp với luật pháp quốc gia và quy định có liên quan của mỗi Bên.

Điều 12

Giải quyết tranh chấp

Bất kỳ tranh chấp phát sinh từ việc diễn giải hoặc thực hiện Thỏa thuận khung này sẽ được giải quyết thông qua thương lượng giữa các Bên.

Điều 13

Hiệu lực thi hành

Các Bên sẽ thông báo cho nhau thông qua các kênh ngoại giao về việc hoàn thiện các thủ tục pháp lý nội bộ cần thiết để Thỏa thuận khung này có hiệu lực thi hành. Thỏa thuận khung này sẽ có hiệu lực sau ba mươi (30) ngày kể từ khi nhận được thông báo cuối cùng của các Bên.

Điều 14

Sửa đổi

Thỏa thuận khung này có thể được sửa đổi với sự đồng ý bằng văn bản của các Bên vào bất kỳ thời điểm nào. Mọi sửa đổi được các Bên chấp thuận sẽ có hiệu lực theo thủ tục quy định tại Điều 13.

Điều 15

Chấm dứt

1. Thỏa thuận Khung này sẽ có hiệu lực trong thời gian năm (5) năm và sẽ được tự động gia hạn các giai đoạn năm (5) năm tiếp theo, trừ khi một trong hai Bên thông

báo cho Bên còn lại bằng văn bản về ý định chấm dứt Thỏa thuận khung này sáu (6) tháng trước thời hạn kết thúc của giai đoạn hiện tại.

2. Mỗi Bên có thể thông báo bằng văn bản qua các kênh ngoại giao vào bất kỳ thời điểm nào cho Bên còn lại về quyết định chấm dứt Thỏa thuận khung này. Trong trường hợp đó, Thỏa thuận khung này sẽ chấm dứt sau ba (3) tháng kể từ khi Bên nhận nhận được thông báo, trừ khi thông báo chấm dứt được thu hồi theo thoả thuận trước khi kết thúc thời hạn hiệu lực của giai đoạn hiện tại.
3. Việc hết hạn hoặc chấm dứt Thỏa thuận khung này sẽ không ảnh hưởng đến việc hoàn thành bất kỳ hoạt động hợp tác nào đang triển khai trong khuôn khổ Thỏa thuận khung, trừ khi các Bên có thoả thuận khác.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây, được Chính phủ nước mình ủy quyền, đã ký Thỏa thuận khung này.

Làm thành hai bộ tại Hà Nội, Việt Nam, ngày 31 tháng 5 năm 2021, bằng tiếng Việt, tiếng Hàn Quốc và tiếng Anh, tất cả ba bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có bất kỳ sự khác biệt nào, bản tiếng Anh sẽ được sử dụng để tham chiếu.

THAY MẶT **CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**	**THAY MẶT** **CHÍNH PHỦ NƯỚC ĐẠI HÀN DÂN QUỐC**
Trần Hồng Hà **Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường**	**Park Noh-wan** **Đại sứ đặc mệnh toàn quyền tại Việt Nam**

베트남사회주의공화국 정부와 대한민국 정부 간의 기후변화 협력에 관한 기본협정

베트남사회주의공화국 정부와 대한민국 정부(이하 "당사자"라 한다)는,

기후변화 및 기후변화의 부정적인 영향이 긴급한 집단행동을 필요로 하는 인류의 공통 관심사임을 인식하고,

「기후변화에 관한 국제연합 기본협약」(이하 "협약"이라 한다)이 기후변화 대응을 위한 국제적인 노력의 확고한 토대를 마련하며, 2012년 12월 8일에 마지막으로 개정된 「기후변화에 관한 국제연합 기본협약에 대한 교토의정서」가 해당 협약 이행을 위한 수단이 되어 왔음을 재확인하고,

2020년 이후 기간에 기후변화 문제를 효과적으로 해결하기 위해 당사자가 협력할 수 있도록 안내하는 중심적인 역할을 담당하게 될 「파리협정」의 발효를 환영하며,

다음과 같이 합의하였다.

제1조
목 적

1. 이 기본협정의 목적은 온실가스 배출을 감축 및/또는 제거하고 기후변화의 부정적인 영향에 적응하는 당사자의 역량을 강화시킴으로써, 해당 당사자가 저탄소 및 기후 회복적 경제로 전환하는 것을 촉진시키는 것이다.

2. 위의 제1항에 명시된 목적상, 이 기본협정은 당사자에 의해 합의된 협력 활동을 통해 상호 유익하고 포괄적인 파트너십의 구축을 목표로 한다.

제2조
협력 분야

이 기본협정의 목적을 달성하기 위해 해당 기본협정의 협력 분야는 다음을 포함할 수 있다.

가. 특히 에너지, 산업, 수송, 건물, 폐기물 관리, 농업, 산림을 포함하는 잠재적인 협력 분야에서 발생하는 온실가스 배출 감축 및/또는 제거

나. 적응 전략에 특별히 초점을 맞춘 기후변화 적응 역량 개선

다. 모형 설계, 예측, 관측을 포함하나 이에 한정되지 않는 과학 및 기술, 그리고 기후기술 개발 및 이전에 관한 협력

라. 파리협정의 시장 메커니즘의 활용 및 국가 인벤토리의 측정, 보고, 검증(MRV)에 관한 역량 강화, 그리고

마. 그 밖에 당사자가 상호 합의하는 협력 분야

제3조

협력 활동

제2조에 규정된 협력 분야에 해당하는 협력 활동은 다음을 포함한다.

가. 역량 강화 연수 기회의 제공을 포함하는 기후변화 전문가, 연구원, 학자, 공무원 간 교류

나. 시장 메커니즘, MRV, 적응 전략, 안전 및 기술 규제를 포함하나 이에 한정되지 않는 역량 강화 활동

다. 양 당사자의 국가결정기여(NDCs)를 달성하기 위해 사용되는 온실가스의 완화 결과로 이어지는 공공 및 민간의 사업 및/또는 프로그램 촉진 활동

라. 기후변화의 부정적인 영향을 예방하는 적응 노력 강화 활동, 그리고

마. 당사자가 상호 합의한 바에 따른 협력을 증진하기 위한 그 밖의 활동

제4조

시장 메커니즘

1. 당사자는 제2조라호에 언급된 시장 메커니즘과 관련된 협력이 당사자들의 국가결정기여 이행에 유연성을 제공하고, 양국의 지속 가능한 발전을 촉진하는 데 기여할 수 있다고 인식한다.

2. 당사자는 양국에게 유익한 완화 결과의 사용을 포함한 제3조나호 및 다호에 규정된 시장 메커니즘의 잠재력을 활용하기 위해 노력한다.

제5조
과학 및 기술 협력

1. 당사자는 제2조다호에 언급된 기후 관련 과학 및 기술 협력을 통해 양 당사자가 기후변화에 대응하고 온실가스 완화 및 기후변화 적응 기술을 기반으로 하는 당사자의 국가결정기여를 이행하도록 할 수 있다고 인식한다.

2. 당사자는 기술혁신 역량을 강화하고 양국의 관련 산업을 촉진시키기 위해 제3조가호, 다호 및 라호에 규정된 활동을 통해 기술 협력의 잠재력을 활용하도록 노력할 수 있다.

제6조
공동실무작업반

1. 당사자는 권고 및 결정을 포함해 이 기본협정의 이행을 촉진하고 조정하기 위해 각 당사자가 지정한 대표로 구성되는 기후변화협력에 관한 공동실무작업반(이하 "공동실무작업반"이라 한다)을 설치한다.

2. 공동실무작업반은 원칙적으로 일 년에 한 번 상호 합의하는 장소와 날짜에 한국과 베트남에서 교대로 개최된다. 공동실무작업반 회의의 빈도는 상호 합의에 따라 조정될 수 있다.

3. 공동실무작업반이 개최되지 않을 경우, 필요 시 적절한 경로를 통해 협의를 진행한다.

4. 당사자는 이 기본협정의 이행을 위해 필요하다고 판단하는 경우, 시장 메커니즘에 관한 공동 소실무작업반 그리고 과학 및 기술 협력에 관한 공동 소실무작업반과 같이 해당 공동실무작업반하의 특정 협력 분야에 대한 부속

기구 설치를 합의할 수 있다.

제7조
비국가 행위자 간 및 비국가 행위자와의 협력

1. 당사자는 특히 양국의 기업, 투자자, 연구소, 대학 및 사회 기관 간의 협력을 강화하기 위해 노력한다.

2. 당사자는 기업, 투자자, 연구소, 대학 및 사회기관과 같은 비국가 행위자가 기후변화 문제를 다룰 수 있는 더 나은 기회를 가질 수 있도록 그들과의 소통을 강화하도록 노력한다.

제8조
보충 약정

1. 이 기본협정상의 양자 간 협력을 촉진하기 위해 당사자는 적절한 경우에 특히 정부기관, 회사, 투자자, 연구소, 대학 및 사회기관 간에 보충 약정을 체결하도록 장려할 수 있다.

2. 그러한 보충 약정은 각 당사자의 국내 법령에 따른 지식재산권 처리를 포함해 특정한 협력 형태, 준수 절차 및 그 밖의 적절한 사항에 관한 조항을 포함한다.

제9조
비용 및 지원

1. 당사자는 재원의 이용 가능성을 조건으로 각 당사자에게 적용 가능한 국내 법령에 따라 이 기본협정상의 협력 활동의 이행과 관련해 발생하는 비용을 동등하게 부담한다.

2. 각 당사자는 이 기본협정상의 협력 활동의 이행에 필요한 적절한 지원

을 다른 쪽 당사자에게 제공할 수 있다.

제10조
지식재산권 및 비밀유지

1. 당사자는 이 기본협정의 협력 활동으로부터 발생하는 지식재산권 또는 그 밖의 재산적 성격의 권리 보호에 대해 충분히 고려하고 필요한 경우 이 목적을 위해 서로 협의한다.

2. 이 기본협정의 협력 활동에서 발생하는 지식재산권에 대한 처리는 제8조에 언급된 보충 약정에서 규정한다.

3. 이 기본협정의 협력 활동에서 파생되는 비재산적 성격의 과학 및 기술 정보는, 별도로 합의되지 않는 한, 관례적인 경로를 통해 참여 기관의 통상적인 절차에 따라 제3자가 이용할 수 있다.

4. 당사자는 어느 쪽의 관련 당사자가 비밀로 명시적으로 규정한 문서, 정보 및 자료의 비밀을 보호한다. 어느 쪽 당사자도 다른 쪽 당사자의 사전 서면 동의 없이 공유된 비밀 문서, 정보 및 자료를 제3자에게 공개하지 않는다.

제11조
다른 협정과의 관계

1. 이 기본협정의 어떠한 사항도 그들이 당사자인 기후변화와 관련된 모든 관련 국제 협정에서 발생하는 당사자의 의무에 영향을 미치지 않는다.

2. 제8조에 언급된 보충 약정은 각 당사자의 관련 국내 법령에 따라 이행된다.

제12조
분쟁 해결

이 기본협정의 해석 또는 이행에서 발생하는 모든 분쟁은 당사자 간의 협의를 통해 해결한다.

제13조
발효

당사자는 외교경로를 통해 이 기본협정의 발효를 위해 필요한 내부 법적 절차의 완료를 상호 통보한다. 이 기본협정은 나중 통보의 접수일 후 30일째 되는 날에 발효한다.

제14조
개정

이 기본협정은 당사자 간의 상호 서면 동의에 따라 언제든지 개정될 수 있다. 당사자가 합의한 모든 개정은 제13조에 규정된 절차에 따라 발효한다.

제15조
종료

1. 이 기본협정은 5년간 유효하며, 5년마다 자동적으로 갱신된다. 다만, 현행 기간이 만료하기 6개월 전에 어느 한쪽 당사자가 다른 쪽 당사자에게 이 기본협정의 종료 의사를 서면으로 통보하는 경우에는 예외로 한다.

2. 당사자는 언제든지 이 기본협정을 종료하기 위한 결정을 외교경로를 통해 다른 쪽 당사자에게 서면으로 통보할 수 있다. 이 경우 다른 쪽 당사자가 해당 통보 접수일 후 3개월째 되는 날에 이 기본협정은 종료된다. 다만, 해당 종료 통보가 이 기간이 만료하기 전에 합의를 통해 철회되는 경우는 예외로 한다.

3. 이 기본협정의 만료 또는 종료는 당사자에 의해 상호 합의되지 않는 한, 해당 기본협정에 따라 시행 중에 있는 협력 활동의 완료에 영향을 미치지 않는다.

이상의 증거로, 아래 서명자는 그들 각자의 정부로부터 정당하게 권한을 위임 받아 이 기본협정에 서명하였다.

2021년 5월 31일 하노이에서 동등하게 정본인 베트남어, 한국어 및 영어로 각 2부씩 작성하였다. 해석상 차이가 있는 경우에는 영어본이 우선한다.

베트남사회주의공화국 정부를 대표하여	대한민국 정부를 대표하여
Tran Hong Ha	Park Noh-wan
자원환경부 장관	주베트남 특명전권대사

FRAMEWORK AGREEMENT
FOR COOPERATION ON CLIMATE CHANGE

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF KOREA

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Korea (hereinafter referred to as the "Parties"),

Recognizing that climate change and its adverse effects are a common concern to humankind which require urgent and collective action,

Reaffirming that the United Nations Framework Convention on Climate Change (hereinafter referred to as the "Convention") lays a firm foundation for international efforts to combat climate change, and that the Kyoto Protocol to Convention, as last amended on 8 December 2012, has been instrumental in implementing the Convention,

Welcoming the entry into force of the Paris Agreement, which will play a central role in guiding the Parties' cooperative efforts to effectively address the challenges of climate change during the post-2020 period,

Have agreed as follows:

Article 1
Purpose

1. The purpose of this Framework Agreement is to strengthen the Parties' capacity to reduce and/or eliminate greenhouse gas emissions and adapt to the adverse impacts of climate change, and thereby facilitate the Parties' transition towards low carbon and climate resilient economies.

2. For the purpose stated in paragraph 1 above, this Framework Agreement aims to build a mutually beneficial and comprehensive partnership through cooperative activities to be agreed upon by the Parties.

Article 2
Areas of Cooperation

In order to achieve the purpose of this Framework Agreement, the areas of cooperation under this Framework Agreement may include the following:

(a) reduction and/or elimination of greenhouse gas emissions in potential sectors of cooperation, including, *inter alia*, energy, industry, transportation, building, waste management, agriculture and forestry;
(b) enhancement of capacity to adapt to climate change, especially by focusing on adaptation strategies;
(c) cooperation on climate-related science and technology including, but not limited to, modeling, prediction and observation, and the development and transfer of climate technologies;

(d) utilization of the market mechanisms in the Paris Agreement and capacity-building on the measurement, reporting and verification (MRV) of national inventories; and
(e) other areas of cooperation as may be mutually agreed upon by the Parties.

Article 3
Cooperative Activities

Cooperative activities in the areas set out in Article 2 may include the following:

(a) exchanges between climate change experts, researchers, scholars and governmental officials, including by providing opportunities for capacity building training;
(b) activities to enhance capacities including, but not limited to, market mechanisms, MRV, adaptation strategies, safety and technical regulation;
(c) activities to promote public and private projects and/or programs, resulting in greenhouse gas mitigation outcomes used to achieve both Parties' nationally determined contributions (NDCs);
(d) activities to strengthen adaptation efforts to prevent the adverse effects of climate change; and
(e) other activities to promote cooperation as may be mutually agreed upon by the Parties.

Article 4
Market Mechanisms

1. The Parties recognize that cooperation related to the market mechanisms referred to in Article 2(d) can provide flexibility in the implementation of the Parties' NDCs and contribute to promoting the sustainable development of the two countries.

2. The Parties shall make efforts to utilize the potential of the market mechanisms provided in Article 3(b) and 3(c), which will involve the use of mitigation outcomes that are beneficial for the two countries.

Article 5
Science and Technology Cooperation

1. The Parties recognize that the climate-related science and technology cooperation referred to in Article 2(c) can enable both Parties to respond to climate change and to implement the Parties' NDCs based on greenhouse gas mitigation and climate change adaptation technologies.

2. The Parties can make efforts to utilize the potential of technology cooperation through the activities set out in Article 3(a), 3(c) and 3(d) in order to enhance technological innovation capabilities and to promote the related industries of the two countries.

Article 6
Joint Working Group

1. The Parties shall establish a Joint Working Group on Climate Change Cooperation (hereinafter referred to as the "JWG"), comprising representatives designated by each Party, to facilitate and coordinate the implementation of this Framework Agreement, including through making recommendations and decisions.

2. The JWG shall meet in principle once a year, alternately in the Republic of Korea and the Socialist Republic of Viet Nam, at a place and date to be mutually agreed upon. The frequency of the JWG's meetings may be adjusted by mutual consent of the Parties.

3. In the case that the JWG is not in session, consultations shall, when necessary, be conducted through the appropriate channels.

4. The Parties may agree to establish subsidiary bodies on certain areas of cooperation under the JWG, such as a Joint Sub-working Group for Market Mechanisms and a Joint Sub-working Group for Science and Technology Cooperation, in the case that the Parties decide that such bodies are necessary for the implementation of this Framework Agreement.

Article 7
Cooperation between and with Non-State Actors

1. The Parties shall make efforts to enhance cooperation between, *inter alia*, companies, investors, research institutes, universities, and social organizations of the two countries.

2. The Parties shall make efforts to strengthen communication with non-State actors, such as companies, investors, research institutes, universities, and social organizations, so that they have better opportunities to address the challenges of climate change.

Article 8
Supplementary Arrangements

1. With a view to facilitating the bilateral cooperation under this Framework Agreement, the Parties may encourage, where appropriate, the conclusion of supplementary arrangements between, *inter alia*, government agencies, companies, investors, research institutes, universities and social organizations.

2. Such supplementary arrangements shall include provisions for particular forms of cooperation, the procedures to be followed, and other appropriate matters, including the treatment of intellectual property rights in accordance with each Party's domestic law.

Article 9
Expenses and Assistance

1. The Parties shall bear the expenses to be incurred in conjunction with the implementation of the cooperative activities under this Framework Agreement on an equal basis, subject to the availability of resources and in accordance with the applicable national laws and regulations of each Party.

2. Each Party may provide the other Party with the appropriate assistance necessary for the implementation of the cooperative activities under this Framework Agreement.

Article 10
Intellectual Property Rights and Confidentiality

1. The Parties shall give due consideration to the protection of intellectual property rights or other rights of a proprietary nature resulting from the cooperative activities under this Framework Agreement and shall consult each other for this purpose as necessary.

2. The treatment of intellectual property rights arising from the cooperative activities under this Framework Agreement shall be provided for in the supplementary arrangements mentioned in Article 8.

3. Scientific and technological information of a non-proprietary nature derived from cooperative activities under this Framework Agreement shall be made available, unless otherwise agreed, to third parties through customary channels and in accordance with the normal procedures of the participating agencies.

4. The Parties shall protect the confidentiality of the documents, information, and data provided and specified as confidential by any of the respective Parties. Neither Party shall disclose the shared confidential documents, information, and data to any third party without the prior written consent of the other Party.

Article 11
Relation to other Agreements

1. Nothing in this Framework Agreement shall affect the obligations of the Parties deriving from any relevant international agreements relating to climate change to which they are party.

2. The supplementary arrangements referred to in Article 8 shall be carried out in accordance with the relevant national laws and regulations of each Party.

Article 12
Dispute Settlement

Any disputes arising from the interpretation or implementation of this Framework Agreement shall be settled through consultations between the Parties.

Article 13
Entry into Force

The Parties shall notify each other through diplomatic channels of the completion of their internal legal procedures necessary for the entry into force of this Framework Agreement. This Framework Agreement shall enter into force thirty (30) days after the date of receipt of the later notification.

Article 14
Amendment

This Framework Agreement may be amended with the mutual written consent of the Parties at any time. Any amendments agreed by the Parties shall enter into force in accordance with the procedure set out in Article 13.

Article 15
Termination

1. This Framework Agreement shall remain in force for a period of five (5) years and shall be automatically renewed for successive periods of five (5) years, unless either Party notifies the other Party in writing, six (6) months prior to the expiration of the current period, of its intention to terminate this Framework Agreement.

2. Each party may at any time give notice in writing through diplomatic channels to the other Party of its decision to terminate this Framework Agreement. In such case, this Framework Agreement shall be terminated three (3) months after the date of receipt of the notice by the other Party, unless the notice to terminate is withdrawn by agreement before the expiry of this period.

3. The expiration or termination of this Framework Agreement shall not affect the completion of any ongoing cooperative activities under this Framework Agreement, unless otherwise mutually agreed by the Parties.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized by their respective Governments, have signed this Framework Agreement.

DONE in duplicate in Hanoi, Viet Nam, on the 31st day of May, 2021, in the Korean, Vietnamese and English languages, all three texts being equally authentic. In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Tran Hong Ha
Minister Natural Resources and Environment

FOR THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF KOREA

Park Noh-wan
Ambassador Extraordinary and Plenipotentiary